

XÂY DỰNG “THỂ TRẦN LÒNG DÂN” Ở TÂY NGUYÊN THỜI KỲ ĐỔI MỚI

kết quả và kinh nghiệm

TS PHẠM VĂN HÒ

Học viện Chính trị khu vực III

Tây Nguyên là một địa bàn có vị trí, vai trò chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của cả nước; là khu vực đa dạng nhất về thành phần dân tộc với 53 dân tộc cùng sinh sống; trong đó, 52 dân tộc thiểu số, với 2.199.784 người, chiếm 37,65% dân số toàn vùng¹.

Xuất phát từ đặc thù về dân cư, tộc người và tầm quan trọng của vùng Tây Nguyên, trong thời kỳ đổi mới, Đảng và Nhà nước đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo để chăm lo cuộc sống cho đồng bào các dân tộc, xây dựng “thể trần lòng dân”; nâng cao niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước; thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa (XHCN). Theo đó, cùng với việc thực hiện các chủ trương, chính sách chung của cả nước, đặc biệt là các chính sách dành cho vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS), Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều nghị quyết, chương trình, cơ chế, chính sách dành riêng cho vùng Tây Nguyên nhằm phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh vùng đất này. Ngày 18-01-2002, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết 10-NQ/TW về *phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng an ninh vùng Tây Nguyên thời kỳ 2001 - 2010*. Nghị quyết đã đề ra nhiệm vụ, giải pháp phát triển Tây Nguyên toàn diện. Một trong những nhiệm vụ được nghị quyết nhấn mạnh là phải phát triển toàn diện nông thôn, từng bước đưa nông thôn Tây Nguyên ra khỏi tình trạng lạc hậu, đi dần vào công nghiệp hóa,

hiện đại hóa; ưu tiên giúp đỡ phát triển kinh tế - xã hội vùng sâu, vùng xa; hoàn thành vững chắc định canh, định cư, khắc phục tình trạng di dân không có tổ chức; bảo đảm đất sản xuất và việc làm ổn định cho đồng bào. Nghị quyết 10 là một văn kiện có ý nghĩa lịch sử đối với Tây Nguyên, là sự định hướng chiến lược xây dựng vùng Tây Nguyên ổn định toàn diện và phát triển bền vững.

Ngày 24-10-2011, Bộ Chính trị khóa XI ban hành Kết luận số 12- KL/TW về *tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW* của Bộ Chính trị (khóa IX) phát triển vùng Tây Nguyên thời kỳ 2011 - 2020, xác định: “xây dựng Tây Nguyên thành vùng kinh tế trọng điểm, có lực lượng sản xuất phát triển ở mức trung bình của cả nước, có tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế vững chắc. Nâng cao đời sống văn hóa, trình độ dân trí của đồng bào các dân tộc; bảo đảm an sinh xã hội; sớm đưa nông thôn Tây Nguyên thoát khỏi tình trạng nghèo nàn, lạc hậu, phát triển bền vững. Tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh; giữ vững ổn định chính trị - xã hội; ngăn chặn, chủ động kịp thời làm thất bại âm mưu phục hồi tổ chức, phát triển lực lượng Fulro, “Tin lành Đê-ga” và thành lập “Nhà nước Đê-ga”.

Ngày 06-10-2022, Bộ Chính trị tiếp tục ban hành Nghị quyết số 23-NQ/TW về *phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045* đã xác định mục tiêu đến năm 2045: “... Hệ thống kết cấu hạ tầng hiện đại, đồng bộ. Phát triển hài hòa giữa kinh

tế với văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường và quốc phòng, an ninh; người dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Bản sắc văn hóa được phát huy và trở thành nền tảng để phát triển. Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm vững chắc; biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác cùng phát triển; tổ chức đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; khối đại đoàn kết toàn dân tộc được tăng cường”².

Trên cơ sở Nghị quyết 10, Kết luận số 12- KL/TW, Nghị quyết số 23-NQ/TW, Chính phủ, các bộ, ngành trung ương đã ban hành nhiều chính sách, chương trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; đặc biệt, tập trung giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội bức bách, tiêu biểu là: *Chương trình về việc giải quyết đất sản xuất và đất ở cho đồng bào DTTS tại chỗ ở Tây Nguyên* theo Quyết định 132/2002/QĐ-TTg ngày 8-10-2002 của Thủ tướng Chính phủ; Dự án *Khai hoang trồng cao su để giải quyết việc làm và cải thiện đời sống cho đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ ở Tây Nguyên* theo Thông tư 441/CP-NN, ngày 15-4-2003; Đề án *Phát triển hoạt động văn hóa - thông tin vùng Tây Nguyên đến năm 2010* theo Quyết định số 25/2004/QĐ-TTg ngày 27-02-2004 của Thủ tướng Chính phủ... *Chính sách cho các hộ đồng bào DTTS tại chỗ và hộ dân thuộc diện chính sách ở Tây Nguyên mua nhà trả chậm* theo Quyết định 154/2002/QĐ-TTg ngày 12-11-2002 của Thủ tướng Chính phủ; Dự án *Khai hoang trồng cao su để giải quyết việc làm và cải thiện đời sống cho đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ ở Tây Nguyên* theo Thông tư 441/CP-NN, ngày 15-4-2003; Đề án *Phát triển hoạt động văn hóa - thông tin vùng Tây Nguyên đến năm 2010* theo Quyết định số 25/2004/QĐ-TTg ngày 27-02-2004 của Thủ tướng Chính phủ; thí điểm giao rừng, khoán bảo vệ rừng cho hộ gia đình và cộng đồng trong buôn, làng là đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ ở các tỉnh Tây Nguyên theo Quyết định số 304/2005/QĐ-TTg ngày 23-11-2005 của Thủ tướng Chính phủ; hỗ trợ doanh nghiệp nông, lâm nghiệp nhà nước, ban quản lý rừng đặc dụng, ban quản lý rừng phòng hộ sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số cư trú hợp pháp tại các tỉnh Tây Nguyên theo Quyết định số 231/2005/QĐ-TTg ngày 22-9-2005 của Thủ tướng Chính phủ; về ban hành một số cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội đối với các tỉnh vùng Tây Nguyên đến năm 2010

theo Quyết định số 25/2008/QĐ-TTg ngày 05-02-2008 của Thủ tướng Chính phủ; Đề án *Tiếp tục củng cố, kiện toàn chính quyền cơ sở vùng Tây Nguyên giai đoạn 2014 - 2020* theo Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 16-4-2014 của Thủ tướng Chính phủ; về *kết hợp Quốc phòng với kinh tế - xã hội và kinh tế - xã hội với quốc phòng* theo Nghị định số 164/2018/NĐ-CP ngày 21-12-2018 của Chính phủ;...

Như vậy, Nghị quyết số 10-NQ/TW, Kết luận số 12-KL/TW và Nghị quyết số 23-NQ/TW thể hiện được sự nhất quán, xuyên suốt và đảm bảo phù hợp với thực tiễn trong các chủ trương, định hướng của Đảng nhằm phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh ở Tây Nguyên; là cơ sở quan trọng giúp Chính phủ, bộ, ngành ban hành cơ chế, chính sách và bổ sung, điều chỉnh nguồn lực nhằm phát triển các địa phương vùng Tây Nguyên; là căn cứ quan trọng để các địa phương trong vùng xây dựng chiến lược phát triển phù hợp với các đường lối, chủ trương của Đảng.

Chủ trương, chính sách “đúng”, “trúng”, “hợp lòng dân”; đặc biệt, chủ trương, chính sách ưu tiên chăm lo, cải thiện đời sống nhân dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số,... đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng và lợi ích chính đáng của nhân dân đã góp phần xây dựng “thế trận lòng dân”, nâng cao niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Trên cơ sở chủ trương của Trung ương, các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp trong vùng Tây Nguyên đã xây dựng các chương trình đề cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ của các nghị quyết, quyết định của Trung ương vào nội dung cụ thể trong các nghị quyết Đại hội Đảng bộ các nhiệm kỳ; lồng ghép trong các nghị quyết chuyên đề, các chương trình, đề án, quy hoạch, kế hoạch, dự án đầu tư.

Hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân các địa phương đã ban hành các cơ chế, chính sách đề cụ thể hóa các quy định của Trung ương và lồng ghép trong các nghị quyết, quyết định, chương trình quy hoạch, kế hoạch hằng năm, 5 năm, phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương; đưa các nhiệm vụ triển khai nghị quyết thành các đề án, dự án cụ thể về lĩnh vực phát triển kinh tế, văn hóa xã hội; xây dựng nông thôn mới; lĩnh vực quốc phòng an ninh...

Kết quả đạt được

Hệ thống chính sách được các cấp ủy Đảng, chính quyền các tỉnh Tây Nguyên vận dụng, triển khai, thực hiện đã làm thay đổi toàn diện vùng Tây Nguyên; xây dựng tiềm lực kinh tế, chính trị, tinh thần, quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên; khơi dậy, tăng cường, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc; tạo ra sức mạnh vật chất và tinh thần để củng cố “lòng dân”, xây dựng “thế trận lòng dân”.

Trên lĩnh vực kinh tế, quy mô kinh tế của Tây Nguyên tăng nhanh, năm 2020 gấp hơn 14 lần năm 2002 và 3,1 lần năm 2010. Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân giai đoạn 2002 - 2020 gần 8%/năm, tốc độ tăng trưởng của các khu vực kinh tế đều cao nhất so với các vùng. GRDP bình quân đầu người năm 2020 đạt hơn 48 triệu đồng, gấp 10,6 lần năm 2002³. Tây Nguyên trở thành vùng sản xuất một số sản phẩm nông sản quy mô lớn, chiếm tỷ trọng cao, nhất là cây công nghiệp, cây ăn quả. Du lịch có bước phát triển khá, hình thành các chuỗi phát triển du lịch liên vùng, đang trở thành vùng du lịch sinh thái - văn hóa có sức hấp dẫn.

Trên lĩnh vực văn hóa xã hội, đời sống văn hóa của nhân dân Tây Nguyên ngày càng nâng cao; giá trị văn hóa của các dân tộc được bảo tồn, kế thừa và phát huy, một số di tích văn hóa lịch sử được tu bổ, tôn tạo. Không gian văn hóa Cồng chiêng Tây Nguyên được UNESCO công nhận là kiệt tác truyền khẩu và di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại. Tính đến năm 2020, số làng, thôn, buôn, bon, tổ dân phố đạt văn hóa đã tăng lên ở mức 72,43%, cao hơn bình quân của cả nước (70,7%). Tỷ lệ hộ gia đình văn hóa đạt chuẩn gia đình văn hóa của Tây Nguyên là 81,38%, thấp hơn mức trung bình cả nước (85,7%); có 86,09% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa (cả nước 73,74%); 63,7% phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị (cả nước 21,49%); 53,68% xã đạt chuẩn văn minh đô thị⁴.

Hệ thống giáo dục, đào tạo được quan tâm đầu tư, mạng lưới y tế được củng cố. Bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học và bảo vệ nguồn nước được chú trọng. Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh vượt mục tiêu đề ra.

Các địa phương vùng Tây Nguyên đã tích cực triển khai nhiều chủ trương, chính sách, chương trình,

dự án hỗ trợ giảm nghèo nói chung và vùng đồng bào DTTS cũng như vùng Tây Nguyên nói riêng để giảm bất bình đẳng, chênh lệch giữa các vùng miền, nhóm dân tộc như Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo, Chương trình giảm nghèo nhanh tại các huyện nghèo nhất cả nước, hỗ trợ nhà ở, đất ở, đất sản xuất, mua thẻ bảo hiểm y tế cho hộ nghèo, hỗ trợ giống, cây con, phát triển sản xuất, nhân rộng mô hình giảm nghèo... Thu nhập bình quân đầu người của Vùng tăng dần qua các năm, đến năm 2020 đạt 33,8 triệu đồng/năm, gấp 5,4 lần năm 2006. Tỷ lệ hộ nghèo của Vùng qua các giai đoạn giảm khá từ 24% năm 2006 xuống 22,2% năm 2010 và còn 11,3% vào năm 2015. Đến năm 2020, tỷ lệ hộ nghèo đa chiều của Vùng là 11%; tỷ lệ hộ nghèo đa chiều của Vùng bình quân giai đoạn 2016 - 2020 giảm 1,5%/năm⁵.

Các địa phương vùng Tây Nguyên đã tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, nhất là chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, trợ giúp xã hội đối với các đối tượng yếu thế. Công tác chăm sóc, trợ giúp đối tượng bảo trợ xã hội của mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội đã phân nào đáp ứng được nhu cầu, nguyện vọng của gia đình đối tượng và cộng đồng, góp phần quan trọng thực hiện chính sách an sinh xã hội và ổn định tình hình chính trị - xã hội tại các địa phương. Phong trào đền ơn đáp nghĩa cũng được phát động và nhận được sự hưởng ứng sâu rộng với 99% xã, phường được công nhận là xã, phường làm tốt chính sách người có công.

Chương trình Nông thôn mới (NTM) được triển khai hiệu quả, góp phần cải thiện căn bản đời sống vật chất, tinh thần khu vực nông thôn. Đến hết năm 2020, cả vùng có 3 huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM, chiếm 1,73% trong tổng số 173 huyện của cả nước đạt chuẩn; 266 xã (chiếm 45,1% tổng số xã của vùng) đạt chuẩn, có 6 xã đạt chuẩn NTM nâng cao và 3 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu⁶.

Chính sách dân tộc, tôn giáo được thực hiện tốt, khơi dậy và nâng cao ý thức đoàn kết, tính tự lực trong việc phát triển sản xuất, giảm nghèo. Đời sống văn hóa, vật chất, tinh thần của đồng bào DTTS và tín đồ các tôn giáo ngày càng được nâng lên.

Công tác định canh, định cư, nhất là đối với đồng bào DTTS tại chỗ và giải quyết các vấn đề dân di cư tự

do được tập trung triển khai và đã đạt một số kết quả nhất định. Giai đoạn 2013 - 2020, các tỉnh vùng Tây Nguyên đã duyệt 268 dự án với tổng mức đầu tư 7.449 tỷ đồng, đã bố trí 1.829 tỷ đồng, đạt 25% kế hoạch. Đã có 11.334 hộ được bố trí vào các điểm dân cư theo quy hoạch; 5.040 hộ được giao đất với diện tích đất đã giao khoảng 1.650 ha (266 ha đất ở, 972 ha đất sản xuất nông nghiệp, 402 ha đất lâm nghiệp)⁷.

Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của cấp ủy, tổ chức Đảng và đảng viên được nâng lên; cơ bản xây dựng được tổ chức đảng ở các buôn, làng. Việc xây dựng chính quyền các cấp được đẩy mạnh; chất lượng hoạt động của các tổ chức đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội được nâng cao; phát huy tốt vai trò của già làng, người có uy tín; khối đại đoàn kết toàn dân được củng cố; niềm tin của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên đối với Đảng, Nhà nước được củng cố, tăng cường. Thể trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, “thể trận lòng dân” được củng cố và tăng cường, nhất là trên tuyến biên giới và các địa bàn xung yếu; an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm.

Mặc dù còn có những bất cập, hạn chế như giảm nghèo chưa bền vững, số hộ nghèo, cận nghèo lớn, nguy cơ tái nghèo còn cao; khoảng cách giàu - nghèo giữa các nhóm dân tộc chậm được thu hẹp nhưng những kết quả đạt được về xây dựng “thể trận lòng dân” là đáng được ghi nhận. Những kết quả đạt được chứng tỏ chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đã và đang phát huy hiệu quả, đã khơi dậy, tăng cường, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc; tạo ra sức mạnh vật chất và tinh thần để bảo vệ Tây Nguyên, góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Một số kinh nghiệm

Từ những kết quả đạt được về xây dựng “thể trận lòng dân” ở Tây Nguyên, có thể rút ra mấy kinh nghiệm lớn:

Một là, nắm vững và vận dụng sáng tạo chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước vào điều kiện đặc thù ở vùng Tây Nguyên.

Vùng Tây Nguyên có vai trò, vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của cả nước. Phát triển Tây Nguyên nhanh, bền vững là chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước và là nhiệm vụ xuyên

suốt, trọng tâm, có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển của các địa phương trong vùng và cả nước.

Do đó, yêu cầu bắt buộc đối với các bộ ngành Trung ương, các Đảng bộ, chính quyền địa phương, Mặt trận và các đoàn thể phải nhận thức, quán triệt đầy đủ, đúng đắn quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước. Đặc biệt, phải có cơ chế, giải pháp đồng bộ cụ thể hoá các chủ trương, chính sách phù hợp với điều kiện đặc thù của từng địa phương, từng vùng, từng dân tộc tạo sự đồng thuận, thống nhất trong nhận thức và hành động thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

So với các vùng khác có đông đảo đồng bào DTTS sinh sống, ở Tây Nguyên có nhiều điểm khác biệt lớn. Không chỉ có sự khác biệt giữa các DTTS tại chỗ với DTTS mới đến và giữa các DTTS với người Kinh, thậm chí ngay cả giữa các DTTS tại chỗ cùng cư trú trong một khu vực địa lý vẫn có sự khác biệt nhất định về đặc điểm kinh tế, xã hội, văn hóa. Vậy nên, trong quá trình ban hành và thực hiện các chính sách ở Tây Nguyên, cần phải chú ý đến sự khác biệt đó, đặc biệt là chú ý đến đặc điểm văn hóa, xã hội của mỗi dân tộc về vai trò của cộng đồng làng, phong tục tập quán, vai trò già làng, trưởng bản. Trong xử lý, giải quyết những vấn đề thực tiễn, cụ thể phải luôn coi trọng tính đặc thù, đặc điểm, tâm lý, phong tục, tập quán của đồng bào DTTS.

Vấn đề Tây Nguyên về nhiều phương diện là một vấn đề lớn lại có những đặc thù riêng. Do đó, yêu cầu đặt ra là phải đề ra chủ trương, chính sách sát hợp, đồng thời, chỉ đạo thực hiện linh hoạt, sáng tạo với vùng Tây Nguyên - vùng đất rất đặc thù về dân cư - tộc người và quan trọng vào loại bậc nhất của đất nước.

Hai là, để xây dựng, củng cố “thể trận lòng dân” phải tập trung và kết hợp giải quyết đồng bộ cả về kinh tế, xã hội, chính trị - tư tưởng, quốc phòng, an ninh; gắn phát triển kinh tế với chăm lo giải quyết các vấn đề xã hội, văn hóa, chính sách dân tộc, tôn giáo.

Tây Nguyên là một địa bàn chiến lược quan trọng góp phần giữ vững an ninh chính trị và chủ quyền biên giới; là vùng đặc thù về dân cư - tộc người. Không nơi nào như ở Tây Nguyên có mối quan hệ dân tộc phức tạp, đa chiều giữa người Kinh và các DTTS, giữa các DTTS tại chỗ với các DTTS mới đến và giữa các DTTS tại chỗ với nhau. Cũng không có

nơi nào vấn đề tôn giáo lại phức tạp như ở Tây Nguyên. Do đó, để Tây Nguyên phát triển toàn diện, bền vững, xây dựng tốt “thế trận lòng dân”, cần phải tập trung và kết hợp giải quyết đồng bộ cả về kinh tế, xã hội, chính trị - tư tưởng, quốc phòng, an ninh,...

Sự phát triển mạnh mẽ, vững chắc về kinh tế và ổn định chính trị - xã hội là nền tảng, là cơ sở xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân; cho nên, xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên phải đặt trong chiến lược quốc phòng, an ninh, đảm bảo các điều kiện kinh tế để giữ vững an ninh chính trị, trật tự xã hội. Xây dựng tiềm lực kinh tế - xã hội, kết hợp chặt chẽ giữa kinh tế - quốc phòng, quốc phòng - kinh tế ở Tây Nguyên là biện pháp đặc biệt quan trọng mang tính chiến lược trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Mặc dù đồng bào DTTS tại chỗ chiếm hơn 1/3 dân số của toàn vùng, nhưng vị trí của bộ phận dân cư này cực kỳ quan trọng. Họ chính là chủ nhân ở Tây Nguyên từ rất lâu đời, trước khi các bộ phận dân cư khác đến và sau đó trở thành đa số. Đồng bào DTTS tại chỗ có truyền thống văn hóa lâu đời và tạo nên bản sắc Tây Nguyên. Trong sự nghiệp xây dựng, phát triển Tây Nguyên, đồng bào DTTS tại chỗ xứng đáng được quan tâm, ưu tiên thụ hưởng các giá trị vật chất và tinh thần của xã hội. Ứng xử đúng với đồng bào DTTS tại chỗ có ý nghĩa như một khâu then chốt có ảnh hưởng to lớn và lâu dài để xây dựng “thế trận lòng dân”, phát triển Tây Nguyên bền vững.

Do đó, các chủ trương, chính sách ở vùng Tây Nguyên phải thật sự quan tâm đặc biệt đến quyền lợi của các DTTS, đặc biệt là các dân tộc tại chỗ. Cần gắn kết chặt chẽ việc phát triển kinh tế - xã hội với việc thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo, an sinh xã hội nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống người dân. Khai dậy niềm tự hào về lịch sử, văn hóa, truyền thống cách mạng, ý chí, khát vọng vươn lên, tinh thần tự lực, tự cường, đoàn kết, sáng tạo của người dân trong Vùng, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số.

Ba là, thường xuyên coi trọng công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị.

Thường xuyên coi trọng công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, đặc biệt là công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, duy trì tỷ lệ thích đáng và bảo đảm

cơ cấu cán bộ người DTTS trong bộ máy Đảng, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở, đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền theo hướng thiết thực, hiệu quả; xây dựng Đảng và xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh; thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương, đề cao trách nhiệm nêu gương, nhất là các đồng chí lãnh đạo các cấp, các ngành.

Kiên trì, kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của các cấp chính quyền; xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên có bản lĩnh chính trị, tiên phong, gương mẫu về đạo đức và lối sống.

Muốn xây dựng, củng cố “thế trận lòng dân” ở vùng Tây Nguyên, nhất thiết phải tăng cường xây dựng hệ thống chính trị cơ sở (tổ chức đảng, chính quyền, các đoàn thể xã hội) trong sạch, vững mạnh, gần dân, hiểu dân. Nơi nào có đồng bào đồng dân tộc nơi đó phải có cấp ủy, lãnh đạo chủ chốt là người dân tộc, có trình độ, năng lực ngang tầm với nhiệm vụ, vai trò lãnh đạo, điều hành. Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể nhân dân và vai trò của gia làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng; đẩy mạnh hoạt động của các mô hình tự quản tại cộng đồng ở các cơ sở, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa. Đặc biệt quan tâm xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị; phát huy cao độ truyền thống văn hoá cách mạng, sự cần cù và ý chí tự lực, tự cường của Nhân dân trong vùng. Xác định buôn làng là một bộ phận rất quan trọng và là địa bàn chủ yếu ở cấp cơ sở ở Tây Nguyên.

1, 4, 5, 6, 7. Theo Báo cáo số 1045 về tổng kết thực hiện nghị quyết 10-NQ/TW ngày 18-01-2002 của Bộ Chính trị khóa IX về *phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên thời kỳ 2001 -2010* và Kết luận số 12-KL/TW ngày 24-10-2011 của Bộ Chính trị khóa XI về *tiếp tục thực hiện Nghị quyết 10-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa IX) phát triển bền vững vùng Tây Nguyên thời kỳ 2011 - 2020*, tr. 1, 32, 34, 6, 40.

2, 3. Ban Chấp hành Trung ương, Nghị quyết số 23 về *phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, tr. 4 - 5.